

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 14
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 29- 09- 2025
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Hạnh

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hoa

Ông Lê Ngọc Phi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Anh- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 14- Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14- Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 09 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14- Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 61/2025/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 07 năm 2025 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58A/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 28 tháng 08 năm 2025, quyết định hoãn phiên tòa số 46/2025/QĐST- HNGĐ ngày 15 tháng 09 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Kiều V, sinh ngày 12/10/1998 (*vắng mặt nhưng đã có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt*)

Căn cước công dân số: 068198003523 cấp ngày 18/5/2023 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: 5/9 N, khu phố H, xã N, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Võ Kiều Trọng T, sinh ngày 15/12/1998 (*vắng mặt*)

Căn cước công dân số: 077098002078 cấp ngày 02/5/2019 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: Tổ 2, Ấp S, xã L, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu (nay là xã K, Thành phố Hồ Chí Minh).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:*

Bà và ông Võ Kiều Trọng T yêu thương và kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 08/7/2021 tại UBND xã L, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu (nay là xã K, Thành phố Hồ Chí Minh).

Sau khi kết hôn, bà và ông T sống hạnh phúc và có với nhau 01 người con chung. Trong thời gian chung sống thì hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Nay, bà nhận thấy bà và ông T không còn tình cảm với nhau nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài. Nên bà làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Về hôn nhân: Bà xin được ly hôn với ông Võ Kiều Trọng T.

- Về con chung: Bà và ông T có 01 con chung là Võ Tùng Q, sinh ngày 14/8/2021. Bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi con trưởng thành. Không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà và ông T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

- Về nợ chung: Bà và ông T không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lý do bận công việc nên bà V đã có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt bà.

** Đối với bị đơn:* Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Võ Kiều Trọng T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt và không gửi ý kiến cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, nuôi con; nơi cư trú hiện nay của bị đơn ông Võ Kiều Trọng T là tại Tổ 2, Ấp S, xã L, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu (nay là xã K, Thành phố Hồ Chí Minh) nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 14- Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá

sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án (sửa đổi, bổ sung Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự).

[1.2] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14- Thành phố Hồ Chí Minh vắng mặt. Tuy nhiên, Viện kiểm sát khu vực 14 đã có Công văn số 101/CV-VKS ngày 18/09/2025, có nội dung: Qua nghiên cứu hồ sơ cho thấy vụ án Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ và cũng không thuộc trường hợp được quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự nên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 không tham gia phiên tòa xét xử vụ án trên.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, bà Lê Thị Kiều V và ông Võ Kiều Trọng T vắng mặt. Tuy nhiên, bà V đã có đơn xin giải quyết xét xử vắng mặt; ông T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt bà V, ông T theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Kiều V và ông Võ Kiều Trọng T tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu (nay là xã K, Thành phố Hồ Chí Minh) theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 28 ngày 08/7/2021. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà V và ông T là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, bà V và ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng luôn trong tình trạng căng thẳng. Sau khi thụ lý đơn yêu cầu ly hôn của bà V, Tòa án đã triệu tập ông Võ Kiều Trọng T lên Tòa để làm việc nhưng ông T vẫn vắng mặt, điều này chứng tỏ ông Võ Kiều Trọng T không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Nhận thấy, mâu thuẫn giữa bà Lê Thị Kiều V và ông Võ Kiều Trọng T ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài. Do đó, áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Lê Thị Kiều V.

[2.2] Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Bà Lê Thị Kiều V và ông Võ Kiều Trọng T có 01 con chung là cháu Võ Tùng Q, sinh ngày 14/8/2021. Bà V có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung cho đến khi con trưởng thành. Không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy: Sau khi thụ lý đơn yêu cầu ly hôn của bà V, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng của Tòa cho ông T nhưng ông T không có ý kiến gì về việc bà V có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung cũng như không có ý kiến gì về cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, bà V có công việc, thu nhập ổn định. Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của các con, Hội đồng xét xử quyết định giao con chung là cháu Võ Tùng Q, sinh ngày 14/8/2021 cho bà Lê Thị Kiều V được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con trưởng thành. Do bà V không yêu cầu nên ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Do đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Bà Lê Thị Kiều V phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; 147, 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án (sửa đổi, bổ sung Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự); Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kiều V đối với ông Võ Kiều Trọng T về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Kiều V được ly hôn với ông Võ Kiều Trọng T.

- Về con chung: Bà Lê Thị Kiều V và ông Võ Kiều Trọng T có 01 con chung là Võ Tùng Q, sinh ngày 14/8/2021.

Giao con chung là cháu Võ Tùng Q cho bà Lê Thị Kiều V được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con trưởng thành.

Ông Võ Kiều Trọng T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, ông Võ Kiều Trọng T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc thăm con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm:

Bà Lê Thị Kiều V phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng số 0005208 ngày 23/7/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, bà V đã nộp đủ.

3. Trong hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND KV14- TP. Hồ Chí Minh;
- Thi hành án Dân sự TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS KV14- TP. Hồ Chí Minh;
- UBND xã K, TP. Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)

Trần Thị Hồng Hạnh